



**SPM** CÔNG TY CỔ PHẦN SPM

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013**



# Mục Lục

|  |    |
|--|----|
| Số liệu chính.....   | 6  |
| 1 Thông điệp của Chủ tịch hội đồng quản trị và Tổng giám đốc ..... | 8  |
| 2 Đánh giá tình hình kinh doanh .....                              | 14 |
| 2.1 Kết quả sản xuất, kinh doanh 2013 .....                        | 15 |
| 2.1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh ngành cốt lõi.....              | 15 |
| 2.1.2 Kết quả hoạt động đầu tư .....                               | 15 |
| 2.2 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc.....                             | 16 |
| 2.2.1 Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 so với chỉ tiêu .....  | 16 |
| 2.2.2 Cơ cấu Doanh thu - Lợi nhuận qua các năm 2009-2013.....      | 16 |
| 2.3 Báo cáo của Ban kiểm soát.....                                 | 17 |
| 3 Định hướng công ty .....   | 18 |
| 3.1 Tình hình thị trường.....                                      | 19 |
| 3.2 Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2013.....                     | 20 |
| 3.3 Chiến lược 2014 .....  | 20 |
| 3.4 Tầm nhìn chiến lược 2014-2019 .....                            | 21 |
| 4 Hoạt động nghiên cứu phát triển .....                            | 22 |
| 5 Hoạt động sản xuất .....   | 24 |
| 5.1.1 Báo cáo tình hình sản xuất của nhà máy .....                 | 25 |
| 5.1.2 Hoạt động Phòng QA.....                                      | 25 |
| 5.1.3 Hoạt động Phòng QC .....                                     | 26 |
| 5.1.4 Chi tiết thực hiện sản xuất .....                            | 27 |
| 5.1.5 Hoạt động kho hàng.....                                      | 27 |
| 5.1.6 Tồn kho và bảo quản .....                                    | 27 |
| 6 Hoạt động Marketing .....  | 28 |
| 6.1.1 Quảng cáo, PR.....   | 29 |
| 6.1.2 Sự kiện .....  | 31 |
| 7 Hoạt động Bán hàng.....  | 32 |
| 7.1.1 Kinh doanh nội địa .....                                     | 33 |
| 7.1.2 Hoạt động kinh doanh quốc tế .....                           | 35 |
| 8 Nguồn nhân lực .....   | 37 |
| 8.1 Số liệu tổng quan về nhân lực của công ty.....                 | 38 |
| 8.2 Chất lượng lao động.....                                       | 38 |
| 8.3 Chính sách thu hút nhân lực và duy trì nguồn nhân lực.....     | 39 |
| 8.4 Chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực .....          | 39 |
| 9 Trách nhiệm xã hội của công ty .....                             | 40 |
| 10 Phụ lục .....   | 42 |
| 10.1 Bảng cân đối kế toán .....                                    | 43 |
| 10.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .....                    | 45 |
| 10.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ .....                              | 46 |
| 10.4 Thay đổi về Vốn cổ đông năm 2013 .....                        | 46 |

dự kiến có thu về lợi nhuận từ các dự án đầu tư. Con số này thật sự chưa làm chúng tôi hài lòng nhưng trong bối cảnh kinh tế còn rất khó khăn, kinh tế suy thoái trầm trọng, sức mua giảm sút, dòng tiền thiếu hụt, số doanh nghiệp phát sản tăng cao nhất từ trước đến nay, thì công ty có lợi nhuận và phát triển là một động lực lớn lao để công ty đoàn kết cùng nhau vượt qua khó khăn, và lấy lại đà tăng trưởng trong một tương lai gần.

Cuộc khủng hoảng đã có những thiệt hại lớn nhưng nếu nhìn lạc quan thì cũng có một số điều lợi. Điểm lợi lớn nhất là công ty có cơ hội để nhìn nhận lại chính mình, điều chỉnh lại chiến lược cho phù hợp với sự thay đổi và xu hướng tương lai của môi trường kinh doanh về trung và dài hạn. Như định hướng dài hạn, SPM tập trung vào ngành nghề kinh doanh cốt lõi là dược phẩm và y tế. Những mảng đầu tư trong giai đoạn đầu để tích lũy sẽ được bán lại trong tương lai để dành nguồn tiền vốn để phát triển bệnh viện – một lĩnh vực yêu cầu về vốn lớn và thời gian hoàn vốn dài nhưng hiệu quả cao. Với định hướng đó, việc triển khai có chậm trễ hơn do khủng hoảng kinh tế nặng hơn dự báo nhưng về dài hạn, sự kiên trì và chiến lược phù hợp sẽ giúp công ty có những bước đi tốt. Hơn thế nữa, với sự tập trung nguồn lực vào lĩnh vực cốt lõi, công ty sẽ có một sự tập trung toàn bộ để tăng doanh thu, thị phần và phát triển sản phẩm của mình ra thị trường quốc tế.

Với tầm nhìn về thị trường dược phẩm có quy mô khoảng 2,4 tỷ USD trong năm 2012, mức tăng trưởng hàng năm cao (16%-18%), trong thị trường có dân số 90 triệu dân, thu nhập bình quân và chi tiêu dùng thuốc tăng ổn định, cũng như nội lực công ty ổn định, sản phẩm tốt, thương hiệu mạnh cho thấy tiềm năng phát triển của công ty là rất lớn. Và công ty cũng nhận ra tương lai của mình và tập trung toàn bộ nguồn lực của mình để đưa công ty phát triển lên những bước ngoặt mới với mục tiêu là SPM sẽ có mặt trong 5 công ty dược phẩm lớn mạnh nhất Việt Nam vào năm 2015. Với nỗ lực của ban điều hành và sự ủng hộ quý báu của quý cổ đông thì mục tiêu trên chắc chắn sẽ thành hiện thực thậm chí sớm hơn thời gian dự kiến.

Cuối cùng, sau lưng là những khó khăn đã và đang được giải quyết xong, trước mặt là cơ hội lớn để phát triển công ty. Sự ủng hộ của Quý cổ đông là động lực vô cùng lớn lao để Hội đồng quản trị nỗ lực và đạt được những thành tựu càng ngày càng tốt hơn. Hướng đến sự đóng góp quan trọng trong trách nhiệm chăm sóc sức khỏe cộng đồng của công ty, góp phần vào sự phát triển của xã hội.

Chúng tôi cũng vô cùng cảm kích quý cổ đông đã ủng hộ HĐQT trong những lúc rất khó khăn và tinh thần này sẽ giúp cho công ty càng ngày càng phát triển

Đào Hữu Hoàng



Kính thưa Quý Cổ đông,

Thị trường và điều kiện kinh tế vĩ mô có rất nhiều khó khăn cũng ảnh hưởng đáng kể đến việc điều hành doanh nghiệp theo mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông đưa ra và định hướng của Hội đồng quản trị. Ban điều hành đã liên tục có những chiến lược và kế hoạch nhằm thích nghi với điều kiện thực tế, làm tốt nhất khi có thể trong điều kiện không mấy dễ chịu. Các chiến lược cụ thể như cắt giảm chi phí, cơ cấu lại danh mục sản phẩm, mạnh dạn cắt giảm những sản phẩm có mức sinh lời thấp (do giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao cũng như chi phí khác tăng cao). ...

Kết quả đạt được về doanh thu 430 tỷ, đạt 113,16% so với kế hoạch 380 tỷ đồng. Lợi nhuận ròng đạt 86,40%: 64,8 tỷ đồng so với mục tiêu là 75 tỷ đồng trong kế hoạch, so với năm 2011 đạt 108,70% (lợi nhuận ròng 2011: 59,6 tỷ đồng)

Sang năm 2013, Ban Tổng Giám đốc sẽ tiếp tục nỗ lực để hoàn thành mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông giao và phối hợp chiến lược từ Hội đồng quản trị để có kết quả khả quan nhất trong điều kiện còn nhiều khó khăn. Chúng tôi tin tưởng khó khăn sẽ qua, những gì chúng tôi đang chuẩn bị hôm nay sẽ phát huy được hiệu quả nhất là khi thị trường tăng trưởng trở lại.

Cuối cùng, tôi xin kính chúc quý Cổ đông dồi dào sức khỏe, thành công và hạnh phúc.

Nguyễn Thế Kỷ

## Danh sách ban điều hành Hội đồng quản trị



### **Ông Đào Hữu hoàng - Chủ tịch hội đồng quản trị**

Ông Hoàng đã có nhiều năm kinh nghiệm điều hành trong lĩnh vực dược phẩm và nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng từ năm 1995 đến nay . Ông Hoàng tốt nghiệp Đại học bác sỹ y khoa và hiện đang là Chủ Tịch hội đồng quản trị công ty cổ phần SPM kiêm luôn chủ tịch hội đồng thành viên Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành. Số lượng nắm giữ: 4.350.690, tỷ lệ nắm giữ: 31,08%

### **Bà Đỗ Thị Mai - Ủy viên hội đồng quản trị**

Bà Mai tốt nghiệp đại học y khoa và tài chính với nhiều năm hoạt động với tư cách là kế toán trưởng tại nhiều công ty, hiện nay Bà đang là Giám đốc Công ty cổ phần phát triển Viễn Thông, truyền thông và Dịch vụ. Số lượng nắm giữ: 1.000.000, tỷ lệ nắm giữ: 7,14%.

### **Ông Nguyễn Thế kỳ - Ủy viên hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc .**

Ông Kỳ hiện đang là Tổng giám đốc công ty cổ phần SPM. Ông tốt nghiệp đại học chuyên môn dược sĩ và đã có nhiều năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực dược phẩm từ năm 1979. Số lượng nắm giữ: 30.000, tỷ lệ nắm giữ: 0,21%.

### **Ông Đào Hữu Khôi - ủy viên hội đồng quản trị.**

Ông Khôi hiện nay là thành viên của HĐQT của Công ty SPM và Công ty TNHH Hưng vượng phát. Ông tốt nghiệp Đại học Bách khoa và Sư phạm với nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vàng bạc đá quý. Số lượng nắm giữ: 178.500, tỷ lệ nắm giữ: 1,28%.

**Ông Huỳnh Phú Hải - Ủy viên hội đồng quản trị.**

Từ năm 1998 đến nay Ông Hải nắm giữ nhiều vị trí quan trọng tại nhiều công ty như giám đốc sale, trưởng phòng Marketing, Phó tổng giám đốc ... Ông Hải tốt nghiệp Thạc Sĩ quản trị kinh doanh và hiện đang là Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần SPM. Số lượng nắm giữ: 10.000, tỷ lệ nắm giữ: 0,07%.

**Ban Tổng Giám Đốc**



Nguyễn Thế Kỷ  
Tổng Giám đốc  
Phụ trách chung



Văn Tất Chiến  
Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách kinh doanh



Huỳnh Phú Hải  
Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách tài chính, marketing



Bùi Công Sơn  
Kế toán trưởng  
Kế toán

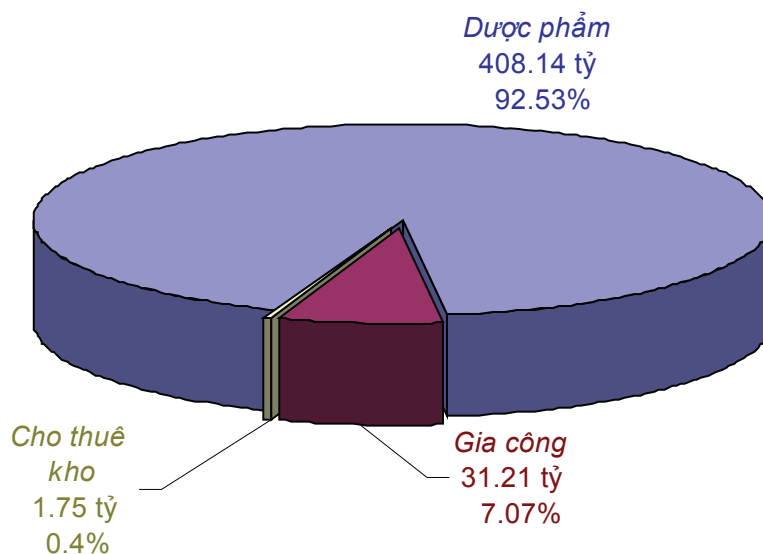
# 1 Đánh giá tình hình kinh doanh



## 1.1 Kết quả sản xuất, kinh doanh 2013

### 1.1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh ngành cốt lõi

Tổng doanh thu đạt 441,13 tỷ, trong đó: Dược phẩm chiếm 92.53% cơ cấu doanh thu 2013.



### 1.1.2 Kết quả hoạt động đầu tư

| Stt                              | Tên dự án                                     | Vốn đầu tư     | Phần vốn đã góp | Phần vốn điều lệ | Số lượng cổ phiếu công ty đầu tư | Số lượng cổ phiếu công ty nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|----------------------------------|---|----------------|-----------------|------------------|----------------------------------|-----------------------------------|---------------|
| <b>I. CÔNG TY ĐẦU TƯ GÓP VỐN</b> |   |                |                 |                  |                                  |                                   |               |
| 1                                | Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia | 6.750          | 6.750           | 135              | 13,500,000                       | 675,000                           | 5.0%          |
| 2                                | Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Hà Land            | 20.111         | 20.111          | 100              | 10,000,000                       | 1,272,850                         | 12.7%         |
| 3                                | Công ty cổ phần thiết bị y tế Đà Nẵng         | 2.025          | 2.025           | 28               | 2,800,000                        | 81,000                            | 2.9%          |
| 4                                | Công ty Cổ phần Dược phẩm Ánh Sao Việt        | 30.000         | 26.971          | 100              | 10,000,000                       | 3,000,000                         | 30.0%         |
| <b>II. DỰ ÁN GÓP VỐN</b>         |   |                |                 |                  |                                  |                                   |               |
| 1                                | Mỏ đá trắng Yên Bái                           | 15.000         | 15.000          |                  |                                  |                                   | 20.0%         |
| 2                                | Mỏ đá xây dựng Hà Tĩnh                        | 20.000         | 20.000          |                  |                                  |                                   | 40.0%         |
| 3                                | Dự án đất Long Trường                         | 280.936        | 280.936         |                  |                                  |                                   | 100.0%        |
| <b>Cộng</b>                      |   | <b>374.822</b> | <b>371.793</b>  |                  |                                  |                                   |               |

Hầu hết những hoạt động đầu tư là dài hạn nên dòng tiền và lợi nhuận chưa thu hồi được. Ngoài ra, do khó khăn về kinh tế nên các hoạt động đầu tư có mức sinh lợi không cao. Có một số dự án không đạt mức sinh lợi cao như những thời điểm tăng giá cao nhất là bất động sản. Tuy nhiên, trong dài hạn những mục đầu tư này là khả quan về mặt tài chính.

## 1.2 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc



### 1.1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 so với chỉ tiêu

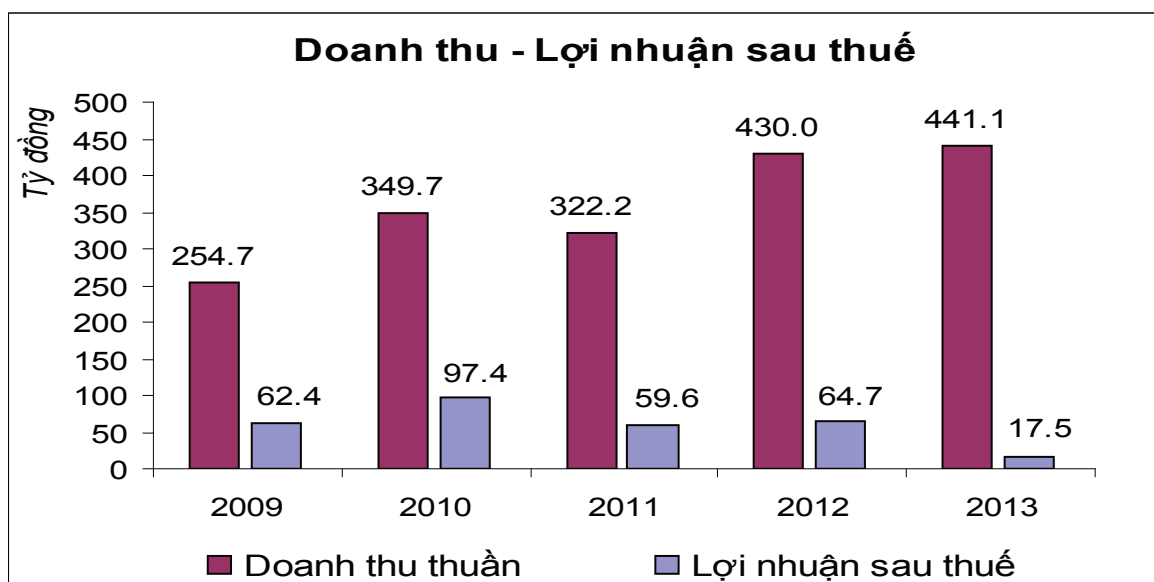
Doanh thu đạt 101,41% so với chỉ tiêu kế hoạch 2013, nhưng Lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 43,76% Kế hoạch, so với năm 2012 giảm 72,96%.

Đvt: tỷ đồng

| Chỉ tiêu           | Thực hiện 2012 | Kế hoạch 2013 | Thực hiện 2013 | % Thực hiện/ Kế hoạch 2013 | % Thực hiện 2013/ Thực hiện 2012 |
|--------------------|----------------|---------------|----------------|----------------------------|----------------------------------|
| Doanh thu thuần    | 430,0          | 435,0         | 441,1          | 101,41%                    | 102,59%                          |
| Lợi nhuận sau thuế | 64,7           | 40,0          | 17,5           | 43,76%                     | 27,04%                           |

Lợi nhuận 2013 giảm mạnh do công ty thu hồi các khoản cho vay ngắn hạn dẫn đến doanh thu hoạt động tài chính giảm 27 tỷ đồng (giảm 64%) so với năm 2012, đồng thời trong năm công ty thanh lý khoản đầu tư vào Công ty cổ phần kỹ thuật Hữu Nghị, lỗ 12.250.000.000 đồng (tương ứng khoản lãi hoạt động tài chính ghi nhận trong năm 2010)

### 1.1.2 Cơ cấu Doanh thu - Lợi nhuận qua các năm 2009-2013



## 1.2 Báo cáo của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát SPM bao gồm 01 Trưởng ban kiểm soát và 02 thành viên

Kiểm soát mục tiêu, chiến lược: theo sát kế hoạch, mục tiêu đã đề ra nhằm đảm bảo kết quả Doanh thu – lợi nhuận hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra.

Kiểm soát thông tin: Theo dõi nắm bắt tình hình, Công bố thông tin kịp thời, minh bạch tránh gây ảnh hưởng tới cổ đông nhỏ.

Kiểm soát tài chính: Kiểm tra báo cáo tài chính hàng quý để đánh giá tính hợp lý của các số liệu kế toán, kết hợp với các Kiểm toán viên độc lập nhằm xem xét các yếu tố ảnh hưởng quan trọng trong báo cáo Tài chính. Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về quản lý khoản đầu tư tài chính.

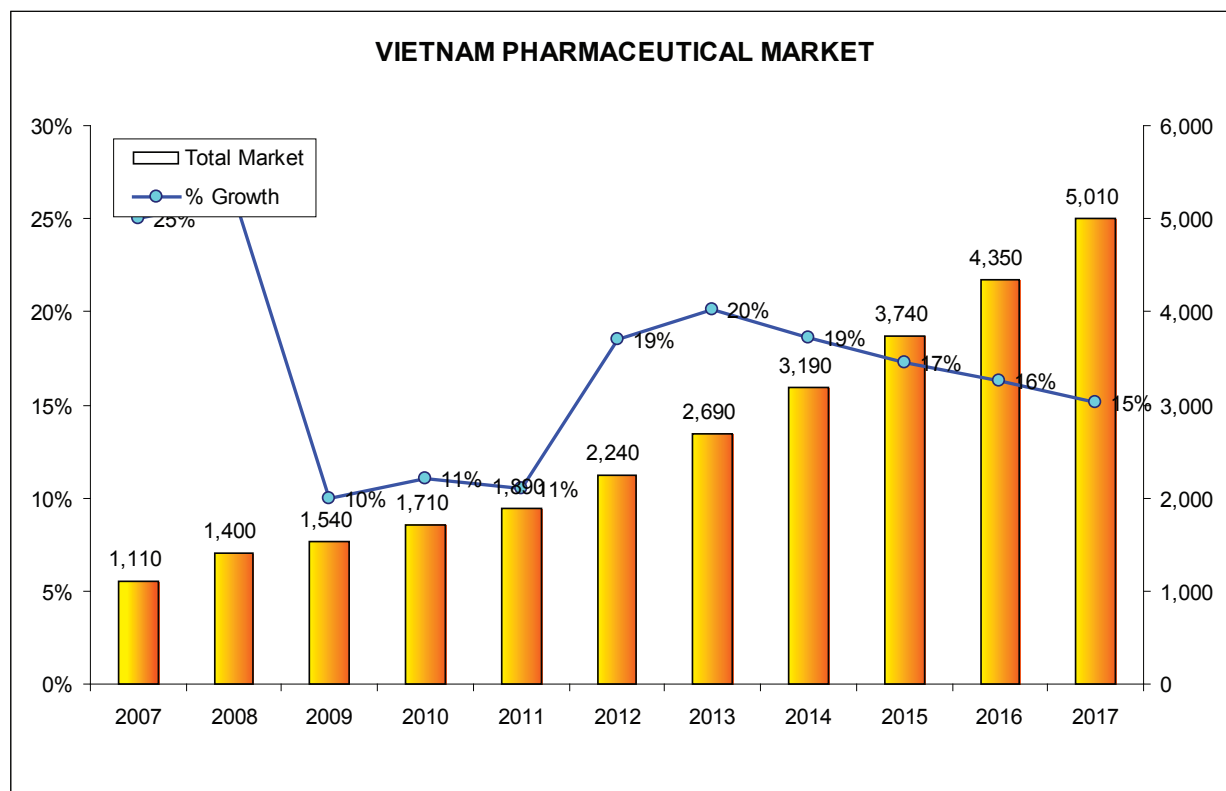
Đánh giá: Nhìn chung, Ban lãnh đạo SPM đã kết hợp khá tốt trong công tác quản lý và thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Các báo cáo tài chính quý, bán niên, thường niên đều phản ánh các con số trung thực và hợp lý phù hợp với các chuẩn mực Kế toán tại Việt nam và các quy định pháp lý liên quan.

# 1 Định hướng công ty

## Tình hình thị trường

Theo thống kê từ IMS, kích thước thị trường dược phẩm của Việt Nam có giá trị 2,4 tỷ USD vào năm 2013. Kích thước thị trường này khá nhỏ chưa phù hợp với quy mô dân số Việt Nam là 91 triệu dân. Trong tương lai kích thước thị trường này sẽ tăng vì thu nhập bình quân theo đầu người của Việt Nam tăng đều đặn và người dân ngày càng có quan tâm và chi tiêu nhiều hơn cho y tế.

Tăng trưởng của thị trường dược phẩm khoảng 16%-18%. Đây là mức tăng khá cao và bền vững bất chấp trong điều kiện kinh tế có khó khăn.



Thị trường đông dược chiếm tỷ trọng nhỏ, từ 0,5 – 1,5% giá trị sản xuất toàn ngành. Hiện có khoảng 80 DN sản xuất đông dược (trong đó 5 DN đạt chuẩn GMP-WHO) và hơn 400 cơ sở sản xuất nhỏ không có đăng ký. Hơn 80% nguyên phụ liệu đông dược được nhập khẩu từ Trung Quốc.

Phân khúc sản xuất tây dược có 87 DN. Vitamin, thực phẩm chức năng và thuốc kháng sinh là 2 dòng sản phẩm được sản xuất nhiều nhất, chiếm 22% và 21% tỷ trọng thuốc sản xuất trong nước. Thị phần thuốc kháng sinh sản xuất trong nước tuy cao, nhưng kháng sinh nhập khẩu vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong kim ngạch nhập khẩu thuốc. Còn thị phần sản xuất vitamin và thực phẩm chức năng cao hơn thị phần nhập khẩu mặt hàng này.

Đối với phân ngành kinh doanh, nhập khẩu và phân phối thuốc, có 3 DN nước ngoài chiếm gần 50% thị phần thuốc toàn quốc là Zuellig Pharma (Singapore), Diethelm (Thụy Sĩ) và Mega Product (Thái Lan), với doanh thu mỗi công ty hơn 1.000 tỷ đồng.

Trong năm 2011, số thuốc tăng giá chiếm khoảng 10% tổng số thuốc tiêu thụ. Mức tăng trung bình của thuốc nội là 5,4%, thuốc ngoại là 6,1%.

## Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2014

| Chỉ tiêu                     | Đvt     | Thực hiện 2013 | Kế hoạch 2014 | Tăng trưởng |
|------------------------------|---------|----------------|---------------|-------------|
| Vốn điều lệ                  | tỷ đồng | 140,0          | 140,0         | 0,0%        |
| Doanh thu thuần              | tỷ đồng | 441,1          | 450,0         | 2,0%        |
| Lợi nhuận sau thuế           | tỷ đồng | 17,5           | 40,0          | 128,5%      |
| Tỷ suất Lợi nhuận/ Doanh thu | %       | 4,0%           | 8,9%          | 124,0%      |
| Tỷ suất Lợi nhuận/ VDL       | %       | 12,5%          | 28,6%         | 128,5%      |

## 1.2 Chiến lược 2014

Để đạt mục tiêu cơ bản: doanh thu 450 tỷ, lợi nhuận 40 tỷ đồng, công ty đề xuất một số chiến lược tóm tắt

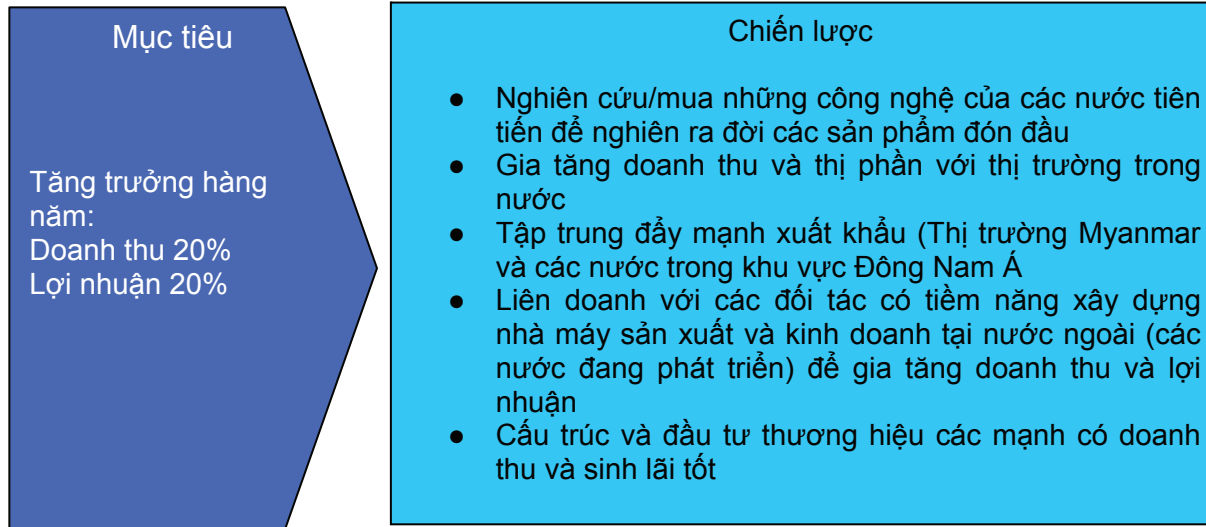


## Giới thiệu Công ty Cổ phần SPM

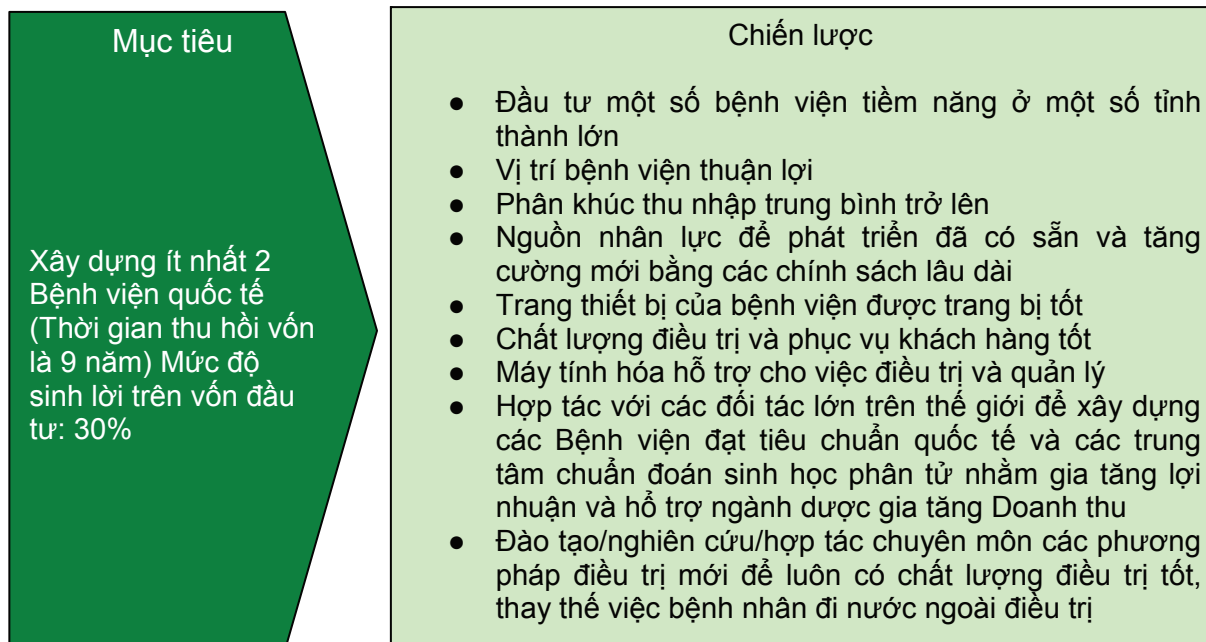


## Tầm nhìn chiến lược 2014-2017

### Ngành dược



### Ngành y



# 1 Hoạt động nghiên cứu phát triển



Cải tiến các sản phẩm hiện đang sản xuất để tăng chất lượng, hiệu suất sản xuất, đảm bảo hiệu quả trị liệu và giảm giá thành sản phẩm.

Nghiên cứu các sản phẩm mới và các công nghệ bào chế mới (viên ODT- viên nén tan nhanh trong miệng).

Đã nghiên cứu và sản xuất thành công các sản phẩm có công nghệ cao như viên phóng thích chậm tăng hiệu quả điều trị của một số sản phẩm.

| <b>Giảm đau<br/>kháng viêm, hạ<br/>sốt</b> | <b>Tiêu hóa</b>                           | <b>Kháng<br/>nấm</b> | <b>Dị ứng</b>                             | <b>Tim mạch</b>  | <b>Vitamin,<br/>khoáng chất</b> | <b>Nhóm khác</b> |
|--|---|----------------------|---|------------------|---------------------------------|------------------|
| Mypara Flu                                 | Loperamide<br>2mg ODT<br>(NC hoàn<br>tốt) | Gymenyl              | Loratadin 5<br>mg ODT<br>(NC hoàn<br>tốt) | Isoroco 60<br>SR | Myvita Power<br>đưa gang        | Recotus light    |
| Mypara Plus                                |   |                      | Loratadin 10<br>mg ODT (NC<br>hoàn tốt)   | Isoroco<br>30SR  | Myvita Power<br>chanh dây       | Gentiana         |
| Mypara Fluday                              |   |                      |   | Darius 1         |                                 | SINUSPAX         |
| Mypara<br>Flunight                         |   |                      |   | Darius 4         |                                 | EFFELADIN        |
|  |   |                      |   |                  |                                 | DILONAS          |



### 1.1.1 Báo cáo tình hình sản xuất của nhà máy

Sản lượng của nhà máy

| STT | NHÓM SẢN PHẨM     | ĐVT  | NĂM 2012           | NĂM 2013           |
|-----|-------------------|------|--------------------|--------------------|
| 1   | Thuốc Gói         | gói  | 1.532.277          | 1,122,437          |
| 2   | Thuốc Kem         | tuýp | 866.654            | 871,724            |
| 3   | Viên bao          | viên | 73.372.497         | 63,777,887         |
| 4   | Viên đặt phụ khoa | viên | 1.300.000          | 1,040,000          |
| 5   | Viên nang cứng    | viên | 38.058.024         | 32,626,272         |
| 6   | Viên nén          | viên | 96.234.676         | 70,622,048         |
| 7   | Viên nang mềm     | viên | 101.666.938        | 85,089,775         |
| 8   | Viên nén sủi      | viên | 66.129.805         | 74,785,566         |
| 9   | Viên nén nhai     | viên | 300.000            | 390,000            |
|     | <b>Tổng</b>       |      | <b>379.460.871</b> | <b>330,325,709</b> |

Nhà máy tiếp tục điều hành để đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, GLP và GSP của Bộ Y tế. Ngoài ra, Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2004.

### 1.1.2 Hoạt động Phòng QA

Duy trì & nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống quản lý - đảm bảo chất lượng theo GMP-WHO, GLP, GSP; ISO 9001-2008 và hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001-2004, nhằm đảm bảo 100% sản phẩm đạt chất lượng khi xuất xưởng (mục tiêu chính).

- Kiểm soát việc tuân thủ các quy trình thao tác chuẩn.
- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động của quá trình sản xuất.
- Quản lý sản phẩm trả về/ thu hồi theo qui định
- Kiểm soát và theo dõi các thay đổi liên quan đến chất lượng
- Kiểm soát các sai lệch ảnh hưởng đến chất lượng
- Theo dõi, duy trì các hoạt động giám sát môi trường, giám sát chất lượng nước RO.
- Đào tạo chuyên sâu các lĩnh vực GMP, GLP, GSP, bảo vệ môi trường (theo kế hoạch đào tạo năm 2013)
- Thẩm định QTSX cho 9 sản phẩm cơ quy trình sản xuất ổn định
- Hoàn thành thẩm định hiệu năng các thiết bị và các hệ thống phụ trợ
- Hoàn thành hiệu chuẩn 100 % dụng cụ đo lường
- Đảm bảo 100% chất thải nguy hại được quản lý đúng theo quy định của pháp luật
- Quản lý rác thải công nghiệp: phê phẩm thuốc, thuốc không đạt chất lượng, chất thải của quá trình kiểm nghiệm, bảo trì, bun thải của hệ thống xử lý nước thải.

Giám sát, duy trì hoạt động của hệ thống xử lý nước thải hàng tháng đảm bảo chất lượng

### 1.1.1 Hoạt động Phòng QC

Củng cố, phát huy hệ thống kiểm tra chất lượng đạt tiêu chuẩn GLP (trong tiêu chuẩn GMP-WHO do Bộ Y tế kiểm tra và chứng nhận) và ISO 9001 - 2008, đảm bảo hoạt động kiểm nghiệm chính xác và hiệu quả.

- Kiểm nghiệm 100% nguyên liệu đầu vào cho sản xuất.
- Kiểm nghiệm bán thành phẩm trong quá trình sản xuất kịp thời ngăn chặn, xử lý các trường hợp sai sót, không đạt, để 100% sản phẩm xuất xưởng đều đạt tiêu chuẩn.
- Kiểm nghiệm 100% thành phẩm kịp thời đáp ứng kế hoạch kinh doanh, bán hàng.
- Đào tạo chuyên sâu lĩnh vực GLP, bao vệ môi trường (theo kế hoạch đào tạo năm 2013)
- Đảm bảo 100% thiết bị được hiệu chuẩn theo qui định.
- Đáp ứng 100% yêu cầu kiểm soát môi trường cho sản xuất.
- Đáp ứng 100% công tác thẩm định qui trình sản xuất và qui trình vệ sinh.
- Hoàn thành thẩm định thêm 5 phương pháp phân tích thành phẩm.
- Theo dõi độ ổn định các sản phẩm mới (hoặc thay đổi công thức, quy trình).
- Đảm bảo 100% chất thải được thu gom và xử lý đạt yêu cầu của Bộ Y tế

### 1.1.2 Chi tiết thực hiện sản xuất

| STT | Kiểm tra chất lượng                  | Số lượng lô | Hoạt chất (chỉ tiêu) | Phân bổ công việc |                   |
|-----|--------------------------------------|-------------|----------------------|-------------------|-------------------|
|     |                                      |             |                      | Sản xuất          | Nghiên cứu (NCPT) |
| 1   | Thành phẩm (xuất Xưởng)              | 1.336       | 6.680                | 98,0 %            | 2,0 %             |
| 2   | Thành phẩm tái kiểm, xử lý khiếu nại | 34          | 170                  |                   |                   |
| 3   | Bán thành phẩm                       | 300         | 900                  |                   |                   |
| 4   | Mẫu thuốc nghiên cứu (NCPT)          | 130         | 260                  |                   |                   |
| 5   | Nghiên cứu (theo dõi) độ ổn định     | 251         | 1.004                |                   |                   |
| 6   | Nguyên liệu (nhập kho)               | 982         | 3.928                |                   |                   |
| 7   | Nguyên liệu tái kiểm                 | 125         | 500                  |                   |                   |

### 1.1.3 Hoạt động kho hàng

Đạt tiêu chuẩn GSP, Nguyên liệu, bao bì và thành phẩm được bao quản theo quy định. Cơ sở kho vực bao riêng biệt : kho lạnh, kho mát, tu đông

Ứng dụng hệ thống mạng trong quản lý xuất nhập đạt hiệu quả cao.

Kho được bố trí thành những phân khu riêng biệt

Được quản lý bằng hệ thống phần mềm hiện đại

### 1.1.4 Tồn kho và bảo quản

Việc cập phát luôn tuân thủ theo nguyên tắc FIFO và FEFO.

Hang thang bao cao đính ký hạn dung nguyên liệu ,bao bì và thành phẩm.

Nguyên liệu và thành phẩm kem chất lượng được thanh lý

# 1 Hoạt động Marketing



Tiếp tục sự thành công của nhãn hàng Myvita là thương hiệu bán chạy nhất thị trường từ năm 2005, các chương trình Marketing nhằm thúc đẩy cho hoạt động bán hàng cũng như xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm, thương hiệu công ty. Công ty đã chọn ra những sản phẩm để xây dựng thương hiệu và phát triển thương hiệu công ty SPM.

### 1.1.1 Quảng cáo, PR



Counter tại Nhà thuốc - Hiệu thuốc



Nhãn hàng MyVita tài trợ Chương trình Đồng hành cùng Gương sáng Vận động viên



Tài trợ CT “Vui Sea Games cùng Tuổi trẻ và MyVita”

Beauty Fair – Tôn Vinh vẻ đẹp Việt



Tài trợ Sea Games 27



CTKM " Cùng MyVita nhận Honda SH



Hội chợ Hàng Việt Nam Chất lượng cao



Nhãn Slimcare tài trợ chương trình " Nét đẹp thư pháp " nhân ngày 8-3



MyVita đồng hành cùng các bạn học sinh trong chương trình " Vũ điệu non sông "

# 1 Hoạt động Bán hàng



### 1.1.1 Kinh doanh nội địa

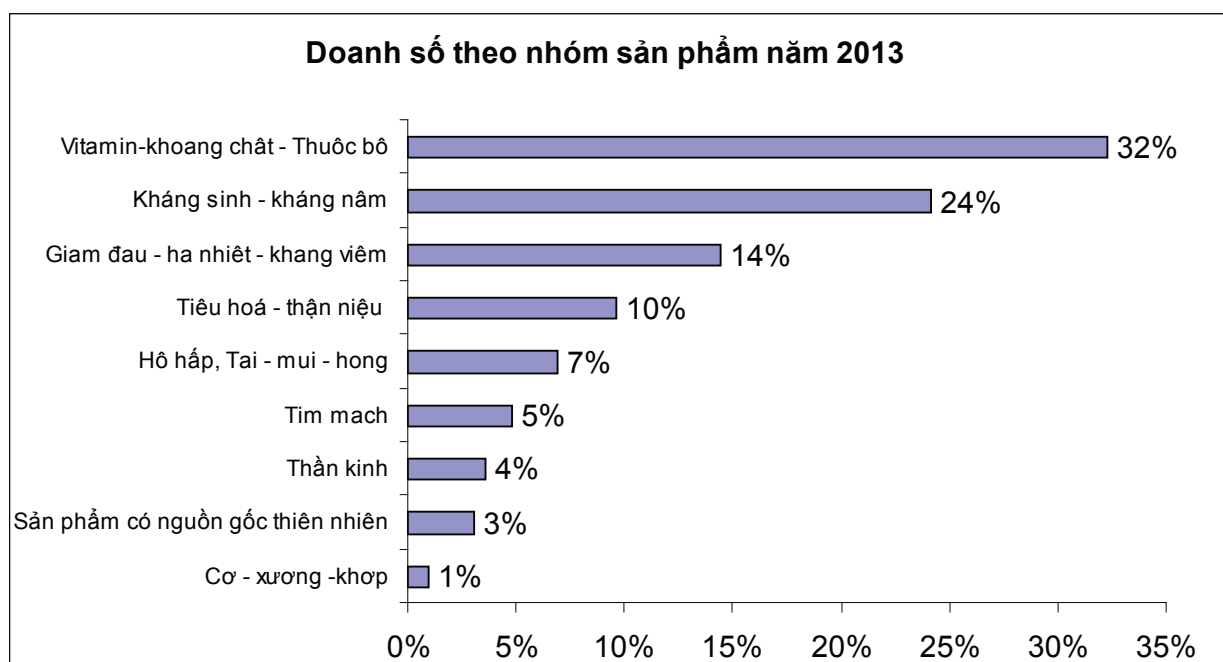
Kinh doanh nội địa chiếm hầu hết doanh thu dược phẩm của công ty, chiếm tỷ lệ 98.10%

Doanh thu thuần năm 2013 đạt 441,1 tỷ, trong đó doanh thu dược phẩm đạt 408,2 tỷ chiếm 92.53% tổng doanh thu. Còn lại Doanh thu về gia công đạt 31,2 tỷ chiếm 7.07%; hoạt động cho thuê kho đạt 1.75 tỷ chiếm 0.40%

Trong cơ cấu doanh thu dược phẩm, Doanh thu hàng xuất khẩu sang thị trường Myanmar đạt 449.173 USD (tương đương 9.4 tỷ đồng) chiếm 2.30%

#### 1.1.1.1 Cơ cấu doanh thu năm 2013

Nhóm Vitamin khoáng chất vẫn là nhóm chiếm tỷ trọng cao nhất trong doanh thu 32% (năm 2012 là 37%) phù hợp với chiến lược phát triển của SPM, kháng sinh – kháng nấm chiếm 24% (năm 2011 chiếm 21%)



### 1.1.2 Hoạt động kinh doanh quốc tế

Năm 2010 đánh dấu những bước đầu tiên của sự phát triển trong lĩnh vực Kinh doanh quốc tế bắt đầu từ Thị trường Myanmar. Đến năm 2010 cũng là năm SPM liên kết với đối tác tại Myanmar tiến hành xây dựng nhà máy Dược phẩm, dự án được Nhà nước quan tâm thúc đẩy và đang trong quá trình thi công. Dự kiến khi nhà máy chính thức hoạt động, cùng với thị trường Myanmar đang từng bước đổi mới, đây sẽ là tiền đề cho việc thâm nhập vào thị trường Dược phẩm quốc tế.

Trong năm 2013, SPM xúc tiến phát triển vào thị trường Công gô và Nigeria

## Chất lượng quốc tế vì sức khỏe cộng đồng

Chúng tôi nghiên cứu, sản xuất và phân phối những sản phẩm có chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế để phục vụ cho việc chăm sóc sức khỏe cộng đồng, góp phần đóng góp trách nhiệm cho cộng đồng và phát triển xã hội.

### Giới thiệu về Công ty Cổ phần SPM

Mã chứng khoán: SPM  
Sàn giao dịch: HOSE  
Tên công ty: Công ty Cổ phần SPM  
Trụ sở chính: Lô 51, Đường số 2, KCN Tân Tạo, Q.Bình Tân, TP.HCM  
Vốn điều lệ: 140.000.000.000 VNĐ (Một trăm bốn mươi tỷ đồng)  
Website: [www.spm.com.vn](http://www.spm.com.vn)

Giấy CNĐKKD số 0302271207 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp đăng ký lần đầu ngày 26/03/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 15 tháng 06 năm 2011

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và mua bán mỹ phẩm, thực phẩm.  
Sản xuất và mua bán dược phẩm.  
Mua bán máy móc, trang thiết bị Y tế.  
Khai thác quặng sắt, kim loại, đá, cát, sỏi, đất sét....  
Cho thuê mặt bằng, văn phòng, kho, kinh doanh nhà.  
Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng khác.  
Mua bán sắt thép, vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng.

### Giới thiệu chung

- Phát triển mạnh mẽ từ một nhà phân phối dược phẩm, Công ty Cổ phần SPM hiện là nhà sản xuất và phân phối dược phẩm hàng đầu Việt Nam. Sau khi chính thức thành lập nhà máy đến nay, chúng tôi đã nghiên cứu và sản xuất thành công hơn 110 sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế. Cùng nhóm sản phẩm điều trị được đội ngũ bác sĩ tin dùng, Công ty Cổ phần SPM luôn tự hào về dòng sản phẩm không kê toa (OTC) phong phú và chất lượng.

### Sứ mạng

- Mang đến cho khách hàng đầy đủ những sản phẩm, dịch vụ dược phẩm và hàng tiêu dùng đạt tiêu chuẩn quốc tế, nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu của cộng đồng.
- Không ngừng gia tăng giá trị cho các nhà đầu tư và mọi thành viên trong công ty.

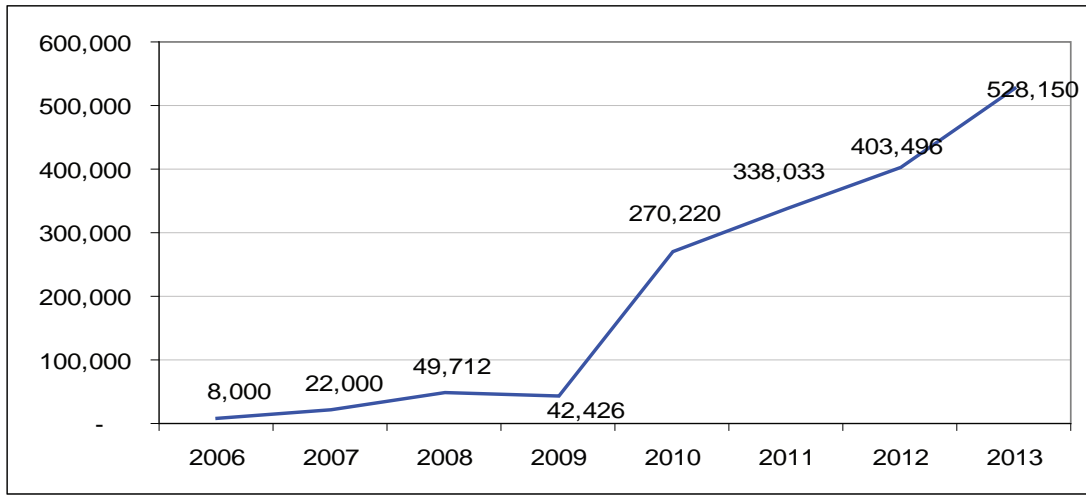
### Tầm nhìn

- Công ty Cổ phần SPM luôn nỗ lực khẳng định vị trí dẫn đầu tại Việt Nam và vươn xa trên thị trường thế giới trong lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc chất lượng cuộc sống cộng đồng.

### Giá trị cốt lõi

- Cam kết chất lượng quốc tế, SPM đầu tư nguồn lực mạnh mẽ cho phòng Nghiên cứu và Phát triển (R&D). Đặc biệt SPM chú trọng phát triển dòng sản phẩm không kê toa (OTC) và điều trị (RX).
- Hướng đến cộng đồng với phương châm “Vì sức khỏe cộng đồng” là hoạt động xuyên suốt của SPM nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, cùng chất lượng sản phẩm luôn được đảm bảo, SPM tích cực tham gia các chương trình Y tế khám chữa bệnh, phát thuốc từ thiện, tuyên truyền sức khỏe,... Bên cạnh đó, tài trợ các đề tài nghiên cứu khoa học y dược là hoạt động SPM sẽ tập trung để khuyến khích, ủng hộ những phát hiện mới để phục vụ công tác chăm sóc, bảo vệ cộng đồng hiệu quả.





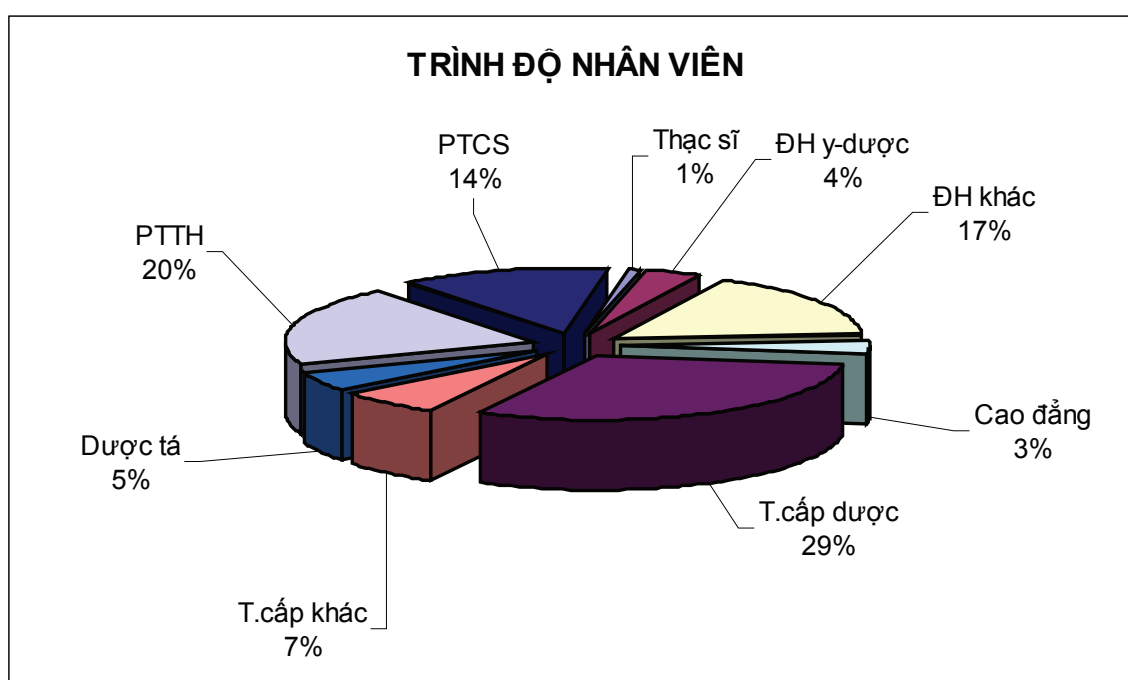
# 1 Nguồn nhân lực

## 1.1 Số liệu tổng quan về nhân lực của công ty

| Bộ phận          | Trình độ            | Số lượng   | Tỷ trọng | Giới tính | Số lượng   | Tỷ trọng |
|------------------|---------------------|------------|----------|-----------|------------|----------|
| Khối Văn phòng   | Thạc sỹ             | 2          | 1%       | Nam       | 41         | 15%      |
|                  | Đại học             | 45         | 17%      |           |            |          |
|                  | Cao đẳng, trung cấp | 45         | 17%      | Nữ        |            |          |
|                  | Lao động phổ thông  | 8          | 3%       |           |            |          |
| Khối sản xuất    | Đại học             | 9          | 3%       | Nam       | 87         | 33%      |
|                  | Cao đẳng, trung cấp | 76         | 29%      |           |            |          |
|                  | Lao động phổ thông  | 81         | 30%      | Nữ        |            |          |
| <b>Tổng cộng</b> |                     | <b>266</b> |          |           | <b>266</b> |          |

## 1.2 Chất lượng lao động

- Ban giám đốc Công ty luôn năng động, có năng lực và điều hành chiến lược kinh doanh hiệu quả.
- Cấp độ quản lý giàu kinh nghiệm và có trình độ chuyên môn cao .
- Nhân sự công ty ổn định với đội ngũ nhân viên lành nghề được đào tạo hàng năm.



## 1.3 Chính sách thu hút nhân lực và duy trì nguồn nhân lực

- Với lợi thế là một trong những nhà sản xuất và phân phối dược phẩm hàng đầu tại Việt Nam ,đồng thời với tiềm lực tài chính vững mạnh , công ty luôn thu hút một lượng lớn nguồn nhân sự trong cũng như ngoài nước.

## 1 Trách nhiệm xã hội của công ty



## Chăm lo sức khỏe người cao tuổi

Nhãn hàng NutriGinsen phối hợp cùng Hội Người Cao Tuổi TP.HCM tổ chức chương trình “ Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi” cho các cụ ông cụ bà trên trên địa bàn TP.HCM. Thông qua chương trình Nhãn hàng NutriGinsen muốn thể hiện sự quan tâm, chia sẻ một phần trách nhiệm với cộng đồng, qua đó cũng nhằm kêu gọi mọi người quan tâm



và chăm lo hơn nữa cho những đối tượng là ông bà cha mẹ của mình sau những vội vã, tất bật trong cuộc sống. Thời gian tiếp theo, nhãn hàng NutriGinsen - Công ty cổ phần SPM sẽ tiếp tục có những hoạt động toàn diện hơn nữa, góp phần cải thiện sức khỏe và tăng niềm vui cho người cao tuổi tại Việt Nam

## Hoạt động khám bệnh, cấp phát thuốc từ thiện



Trong năm 2013, SPM liên tục tổ chức các chương trình khám bệnh, cấp phát thuốc, tặng quà miễn phí cho người dân vùng sâu vùng xa, người già neo đơn, hoàn cảnh khó khăn chưa có điều kiện chăm sóc sức khỏe: Bình Định, Bình Thuận, Long An, ...

## Vui Tết thiếu nhi

Chăm lo một cái tết thiếu nhi đầy ý nghĩa là một hoạt động thường niên của Công ty Cổ Phần SPM nhằm mang nụ cười đến các em nhỏ có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận.



# 1 Phụ lục



## 1.1 Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                       | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>                                 |            |             |                          |                          |
| <b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                     | <b>100</b> |             | <b>659.654.924.182</b>   | <b>599.152.485.252</b>   |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>   | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>6.125.237.523</b>     | <b>10.955.373.953</b>    |
| 1. Tiền  | 111        |             | 6.125.237.523            | 10.955.373.953           |
| 2. Các khoản tương đương tiền                  | 112        |             | -                        | -                        |
| <b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b> | <b>120</b> | <b>V.2</b>  | <b>93.265.648.574</b>    | <b>126.415.785.674</b>   |
| 1. Đầu tư ngắn hạn                             | 121        |             | 93.265.648.574           | 126.415.785.674          |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn           | 129        |             | -                        | -                        |
| <b>III. Các khoản phải thu</b>                 | <b>130</b> |             | <b>519.224.723.610</b>   | <b>418.185.352.951</b>   |
| 1. Phải thu khách hàng                         | 131        | V.3         | 444.120.716.950          | 367.121.907.765          |
| 2. Trả trước cho người bán                     | 132        | V.4         | 8.762.913.787            | 8.439.718.881            |
| 3. Các khoản phải thu khác                     | 135        | V.5         | 68.026.315.908           | 43.018.276.211           |
| 4. Dự phòng phải thu khó đòi                   | 139        | V.6         | (1.685.223.035)          | (394.549.906)            |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                        | <b>140</b> |             | <b>38.156.062.144</b>    | <b>41.855.003.099</b>    |
| 1. Hàng tồn kho                                | 141        | V.7         | 39.141.863.226           | 42.868.125.788           |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho              | 149        | V.8         | (985.801.082)            | (1.013.122.689)          |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                | <b>150</b> |             | <b>2.883.252.331</b>     | <b>1.740.969.575</b>     |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                  | 151        | V.9         | 362.134.160              | 679.969.399              |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ         | 152        |             | 1.955.828.927            | 802.496.791              |
| 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước         | 154        | V.20        | 190.068.674              | -                        |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác                       | 158        |             | 375.220.570              | 258.503.385              |
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>458.134.852.589</b>   | <b>516.520.633.761</b>   |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>           |            |             |                          |                          |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                     | <b>220</b> |             | <b>384.416.561.484</b>   | <b>398.527.807.990</b>   |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                    | 221        | V.11        | 94.778.904.969           | 108.067.856.362          |
| <i>Nguyên giá</i>                              | 222        |             | 194.117.937.127          | 194.319.852.612          |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                  | 223        |             | (99.339.032.158)         | (86.251.996.250)         |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính              | 224        |             | -                        | -                        |
| 3. Tài sản cố định vô hình                     | 227        | V.12        | 5.378.479.289            | 6.200.774.402            |
| <i>Nguyên giá</i>                              | 228        |             | 7.329.976.178            | 8.240.916.178            |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                  | 229        |             | (1.951.496.889)          | (2.040.141.776)          |
| 4. Xây dựng cơ bản dở dang                     | 230        | V.13        | 284.259.177.226          | 284.259.177.226          |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                | <b>240</b> |             | <b>-</b>                 | <b>-</b>                 |
| <b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>  | <b>250</b> |             | <b>71.296.296.825</b>    | <b>117.854.506.260</b>   |
| 1. Đầu tư vào các công ty liên kết             | 252        | V.14        | 26.971.296.825           | 50.163.476.260           |
| 2. Đầu tư dài hạn khác                         | 258        | V.15        | 44.325.000.000           | 67.691.030.000           |
| <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>2.421.994.280</b>     | <b>138.319.511</b>       |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                   | 261        | V.16        | 2.421.994.280            | -                        |
| 2. Tài sản thuế TNDN hoãn lại                  | 262        |             | -                        | 138.319.511              |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                       | <b>270</b> |             | <b>1.117.789.776.771</b> | <b>1.115.673.119.013</b> |

## NGUỒN VỐN

|            |  |            |      |                          |                          |
|------------|--|------------|------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A-</b>  | <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                         | <b>300</b> |      | <b>459.095.292.237</b>   | <b>460.482.920.157</b>   |
| <b>I.</b>  | <b>Nợ ngắn hạn</b>                         | <b>310</b> |      | <b>236.154.197.672</b>   | <b>237.580.086.907</b>   |
| 1.         | Vay và nợ ngắn hạn                         | 311        | V.17 | 157.254.283.109          | 149.911.196.269          |
| 2.         | Phải trả người bán                         | 312        | V.18 | 26.911.373.520           | 39.199.395.288           |
| 3.         | Người mua trả tiền trước                   | 313        | V.19 | 518.730.208              | 976.942.400              |
| 4.         | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước        | 314        | V.20 | 4.879.475.449            | 12.374.186.185           |
| 5.         | Phải trả người lao động                    | 315        | V.21 | 2.145.496.996            | 1.914.247.796            |
| 6.         | Chi phí phải trả                           | 316        | V.22 | 572.618.274              | 682.384.140              |
| 7.         | Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319        | V.23 | 43.872.220.116           | 32.521.734.829           |
| 8.         | Quỹ khen thưởng, phúc lợi                  | 323        |      | -                        | -                        |
| <b>II.</b> | <b>Nợ dài hạn</b>                          | <b>330</b> |      | <b>222.941.094.565</b>   | <b>222.902.833.250</b>   |
| 1.         | Phải trả dài hạn khác                      | 333        | V.24 | 222.902.833.250          | 222.902.833.250          |
| 2.         | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả            | 335        |      | 28.261.315               | -                        |
| 3.         | Doanh thu chưa thực hiện                   | 338        |      | -                        | -                        |
| <b>B-</b>  | <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                      | <b>400</b> |      | <b>658.694.484.534</b>   | <b>655.190.198.856</b>   |
| <b>I.</b>  | <b>Vốn chủ sở hữu</b>                      | <b>410</b> |      | <b>658.694.484.534</b>   | <b>655.190.198.856</b>   |
| 1.         | Vốn đầu tư của chủ sở hữu                  | 411        | V.25 | 140.000.000.000          | 140.000.000.000          |
| 2.         | Thặng dư vốn cổ phần                       | 412        | V.25 | 210.885.368.500          | 210.885.368.500          |
| 3.         | Vốn khác của chủ sở hữu                    | 413        |      | -                        | -                        |
| 4.         | Cổ phiếu quỹ                               | 414        | V.25 | (10.036.370.000)         | (10.036.370.000)         |
| 5.         | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối          | 420        | V.25 | 317.845.486.034          | 314.341.200.356          |
| <b>II.</b> | <b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>          | <b>430</b> |      | <b>-</b>                 | <b>-</b>                 |
|            | <b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>                      | <b>440</b> |      | <b>1.117.789.776.771</b> | <b>1.115.673.119.013</b> |



## 1.1 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU |   | Mã số | Thuyết minh | Năm 2013              | Năm 2012              |
|----------|---|-------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 1        | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 521.298.163.096       | 460.710.244.537       |
| 2        | Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    | VI.1        | 80.167.367.593        | 30.703.401.908        |
| 3        | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    | VI.1        | 441.130.795.503       | 430.006.842.629       |
| 4        | Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.2        | 356.884.853.180       | 335.200.151.376       |
| 5        | Lợi nhuận gộp                                   | 20    |             | 84.245.942.323        | 94.806.691.253        |
| 6        | Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.3        | 14.997.162.872        | 42.156.787.462        |
| 7        | Chi phí tài chính                               | 22    | VI.4        | 30.196.202.544        | 23.386.774.634        |
|          | <i>Trong đó: chi phí tài chính</i>              | 23    |             | <i>16.786.729.966</i> | <i>22.343.499.999</i> |
| 8        | Chi phí bán hàng                                | 24    | VI.5        | 37.198.683.089        | 34.254.740.248        |
| 9        | Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 25    | VI.6        | 11.479.358.025        | 10.195.246.016        |
| 10       | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh         | 30    |             | 20.368.861.537        | 69.126.717.817        |
| 11       | Thu nhập khác                                   | 31    |             | 110.633.338           | 243.997.095           |
| 12       | Chi phí khác                                    | 32    |             | 253.671.526           | 82.838.908            |
| 13       | Lợi nhuận khác                                  | 40    |             | (143.038.188)         | 161.158.187           |
| 14       | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế               | 50    |             | 20.225.823.349        | 69.287.876.004        |
| 15       | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành    | 51    | V.20        | 2.544.956.845         | 4.643.810.724         |
| 16       | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại     | 52    |             | 176.580.826           | (94.489.326)          |
| 17       | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp        | 60    |             | 17.504.285.678        | 64.738.554.606        |
| 18       | Lãi cơ bản trên cổ phiếu                        | 70    | VI.7        | 1.271                 | 4.701                 |

## 1.1 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | 2013<br>VNĐ             | 2012<br>VNĐ              |
|--|-----------|-------------|-------------------------|--------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |           |             |                         |                          |
| <b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>   | <b>01</b> |             | <b>20.225.823.349</b>   | <b>69.287.876.004</b>    |
| <b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>   |           |             |                         |                          |
| - Khấu hao và phân bổ  | 02        | V.11;V.12   | 13.944.402.127          | 15.588.843.369           |
| - Các khoản dự phòng   | 03        | V.6;V.8     | 1.263.351.522           | 23.000.398               |
| - Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện   | 04        | VI.4        | 222.586.823             | -                        |
| - Lợi nhuận từ các hoạt động đầu tư  | 05        | VI.3, VI.4  | (2.685.519.160)         | (42.057.684.865)         |
| - Chi phí lãi vay  | 06        | VI.4        | 16.786.729.966          | 22.343.499.999           |
| <b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>                  | <b>08</b> |             | <b>49.757.374.627</b>   | <b>65.185.534.905</b>    |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09        |             | (68.512.957.532)        | (167.367.485.935)        |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10        |             | 3.726.262.562           | 2.372.544.440            |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả  | 11        |             | (3.054.368.606)         | 2.989.257.318            |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12        |             | 713.084.077             | 66.018.589               |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 13        | V.22;VI.4   | (16.946.614.275)        | (22.183.653.503)         |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 14        | V.20        | (8.593.838.327)         | (1.500.000.000)          |
| - Tiền chi khác cho các hoạt động kinh doanh   | 16        |             | -                       | -                        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>   | <b>20</b> |             | <b>(42.911.057.474)</b> | <b>(120.437.784.186)</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |           |             |                         |                          |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác                      | 21        | V.11;V.12   | (3.111.572.990)         | (2.286.793.528)          |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản cố định khác                | 22        |             | -                       | -                        |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác  | 23        |             | (12.106.357.600)        | (22.411.414.000)         |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                                | 24        |             | 45.256.494.700          | 54.393.851.475           |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác  | 25        |             | (507.820.565)           | (805.777.600)            |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác  | 26        |             | -                       | 65.030.695.845           |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia   | 27        | V.5;VI.3    | 1.216.299.780           | 27.205.286.197           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> |             | <b>30.747.043.325</b>   | <b>121.125.848.389</b>   |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |             |                         |                          |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu                                 | 31        |             | -                       | -                        |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu quỹ của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                       | -                        |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được  | 33        | V.17        | 379.922.617.112         | 392.287.570.716          |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay   | 34        | V.17        | (372.579.530.272)       | (390.787.337.803)        |
| 5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        |             | -                       | -                        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b> |             | <b>7.343.086.840</b>    | <b>1.500.232.913</b>     |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>   | <b>50</b> |             | <b>(4.820.927.309)</b>  | <b>2.188.297.116</b>     |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> |             | <b>10.955.373.953</b>   | <b>8.767.076.837</b>     |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ  | 61        |             | (9.209.121)             |                          |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>   | <b>70</b> |             | <b>10.955.373.953</b>   | <b>10.955.373.953</b>    |

## Lịch sử hình thành và phát triển

| Năm  | Sự kiện nổi bật  | Vốn điều lệ | Nhân sự |
|------|--|-------------|---------|
| 1988 | Tiền thân là Công ty Dược phẩm Đô Thành hoạt động với tư cách nhà phân phối dược phẩm trực thuộc Tendipharco (Công ty Dược Quận 10).   |             |         |
| 1995 | Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành (Saigon Pharma) chính thức được thành lập.   |             |         |
| 1998 | Chi nhánh Saigon Pharma tại Hà Nội thành lập.  |             |         |
| 2001 | Công ty TNHH SPM chính thức ra đời với vốn điều lệ ban đầu 20 tỷ đồng.<br>Nhà máy SPM khánh thành và đi vào hoạt động tại KCN Tân Tạo, TP.HCM, Việt Nam.   | 20 tỷ đồng  | 47      |
| 2002 | Đạt chứng nhận theo tiêu chuẩn ASEAN cho dây chuyền sản xuất thuốc viên, viên nang, thuốc nhỏ mắt và thuốc dùng ngoài da<br>GMP - Thực hành sản xuất thuốc tốt.<br>GLP - Thực hành kiểm nghiệm thuốc tốt.<br>GSP - Thực hành bảo quản thuốc tốt.   |             | 98      |
| 2003 | Đạt chứng nhận GMP - ASEAN cho phân xưởng sản xuất viên sủi bọt.   |             | 116     |
| 2005 | <ul style="list-style-type: none"> <li>Viên bổ sủi bọt MyVita xuất khẩu sang thị trường Mỹ.</li> <li>MyVita Multi là sản phẩm viên bổ sủi bọt bán chạy nhất của Việt Nam (Theo IMS).</li> </ul>  |             | 182     |
| 2006 | Hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2000 do Tổ chức Chứng nhận Chất lượng Quốc tế UKAS (Anh) chứng nhận.<br>Đạt chứng nhận GMP theo tiêu chuẩn của tổ chức Y tế Thế giới (GMP- WHO).<br>MyVita Multi tiếp tục là sản phẩm viên bổ sủi bọt bán chạy nhất Việt Nam (Theo IMS). | 50 tỷ đồng  | 211     |
| 2007 | 12/02/2007: chuyển đổi thành Công ty CP SPM.<br>11/05/2007: Tăng vốn lên 100 tỷ đồng   | 100 tỷ đồng | 242     |
| 2008 | Tháng 10: Hệ thống Quản lý Môi trường đạt tiêu chuẩn ISO 14001:2004 do Tổ chức Chứng nhận Chất lượng Quốc tế UKAS (Anh) chứng nhận.  |             | 256     |
| 2009 | Tháng 5: Đưa vào hoạt động Nhà máy mới theo tiêu chuẩn c-GMP với vốn đầu tư 180 tỷ đồng.   |             |         |
| 2010 | Tháng 3/2010: Tăng vốn lên 140 tỷ đồng.<br>21/05/2010: Niêm yết 14 triệu cổ phiếu SPM trên sàn HoSE.   | 140 tỷ đồng | 240     |
| 2011 |  | 140 tỷ đồng | 269     |
| 2012 | Xây dựng Nhà máy chuyên sản xuất Thực phẩm chức năng.  |             | 256     |
| 2013 |  |             | 266     |

## Thay đổi về Vốn cổ đông năm 2013

Theo số liệu chốt danh sách ồ đông SPM gần nhất tại ngày 25/10/2013:

| CỔ ĐÔNG     | CÁ NHÂN    | KHỐI LƯỢNG        | TỔ CHỨC   | KHỐI LƯỢNG       | TỔNG KHỐI LƯỢNG   | TỶ LỆ          |
|-------------|------------|-------------------|-----------|------------------|-------------------|----------------|
| Trong nước  | 176        | 10.335.920        | 5         | 2.830.070        | 13.165.990        | 94,04%         |
| Nước ngoài  | 7          | 18.600            | 5         | 815.410          | 834.010           | 5,96%          |
| <b>CỘNG</b> | <b>143</b> | <b>10.354.520</b> | <b>10</b> | <b>3.645.480</b> | <b>14.000.000</b> | <b>100,00%</b> |

### Thay đổi của Cổ đông lớn trong năm

| CỔ ĐÔNG LỚN                                  | KHỐI LƯỢNG       | TỶ LỆ         |
|--|------------------|---------------|
| Đào Hữu Hoàng                                | 4.350.690        | 31,08%        |
| Đặng Ngọc Hồ                                 | 1.294.380        | 9,25%         |
| Đỗ Thị Mai                                   | 1.000.000        | 7,14%         |
| Vũ Thanh Hiếu                                | 832.290          | 5,94%         |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín            | 1.041.500        | 7,44%         |
| Công ty CP Chứng khoán NH Sài Gòn Thương Tín | 1.015.140        | 7,25%         |
| <b>TỔNG</b>                                  | <b>9.534.000</b> | <b>68,10%</b> |

## Vị thế của Công ty:

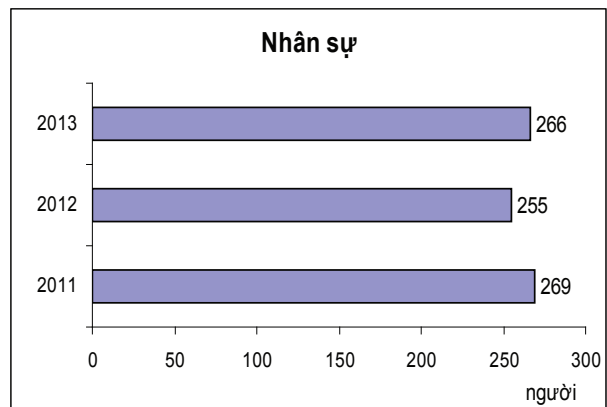
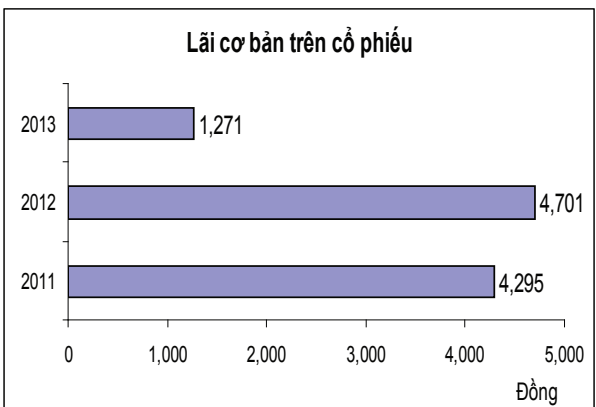
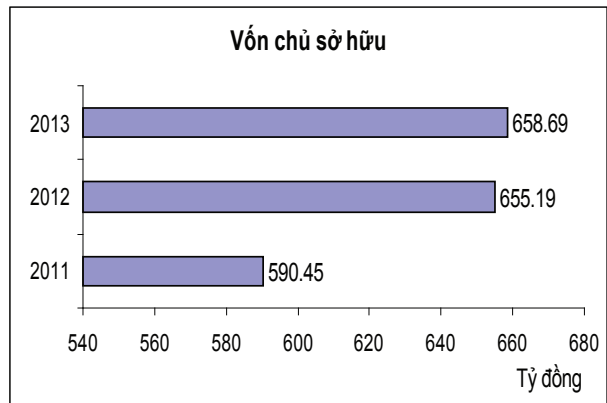
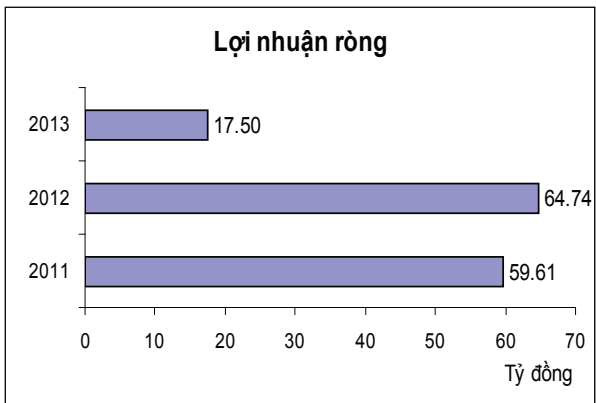
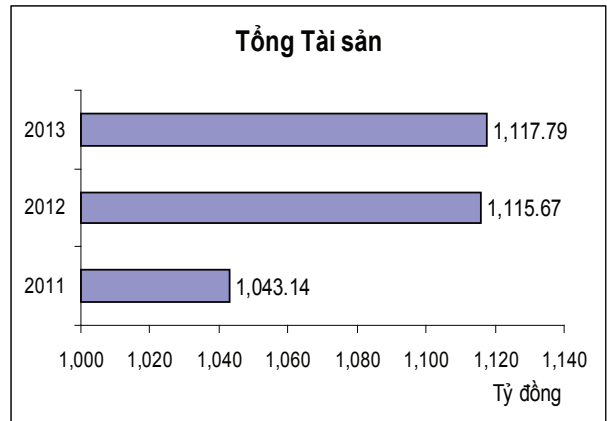
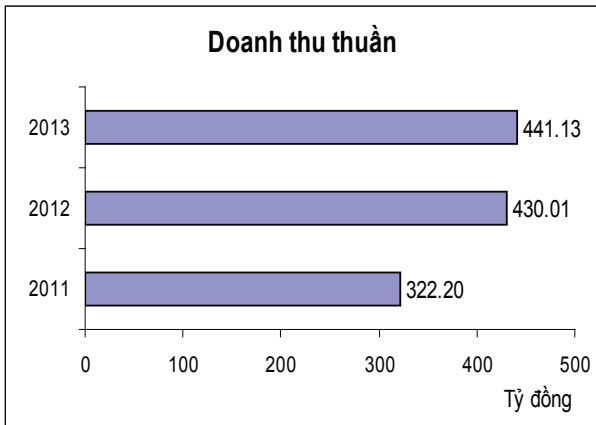
SPM là doanh nghiệp đầu tiên:

- Xây dựng được thương hiệu MyVita đứng đầu Thị trường Việt Nam trong nhiều năm liền, vượt qua các doanh nghiệp Dược hàng đầu nước ngoài.
- Xuất khẩu dược phẩm ra thị trường nước ngoài.

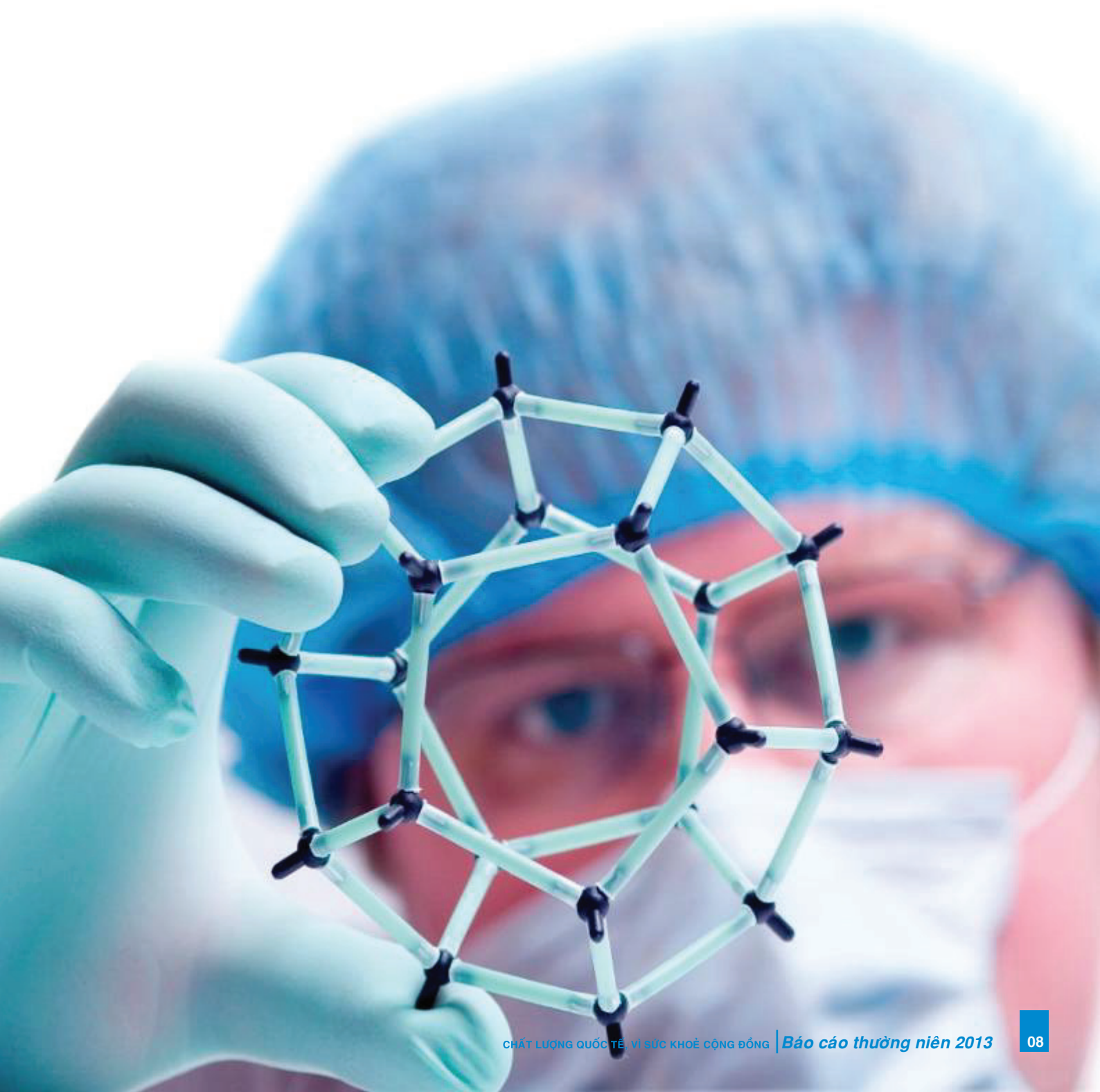
Một trong các điểm khác biệt rất lớn của SPM là định hướng xây dựng thương hiệu mạnh (nhóm MyVita – Thuốc bổ...) và đó là xu hướng của các công ty đa quốc gia. Thương hiệu này đã tạo nên sự thành công đáng kể của SPM. Trong 20 thương hiệu trong nhóm sản phẩm Vitamin, MyVita có đến 3 thương hiệu trong năm 2005, và 4 thương hiệu trong năm 2006 vượt lên trên các thương hiệu của các công ty đa quốc gia khác.

## Số liệu chính





# 1 Thông điệp của Chủ tịch hội đồng quản trị và Tổng giám đốc







Kính thưa Quý Cổ đông,

Khủng hoảng kinh tế toàn cầu từ năm 2008 kéo theo sự trì trệ của nền kinh tế. Năm 2012 được coi là một trong những năm kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn. Cuộc khủng hoảng nợ công ở Châu Âu tiếp tục sa lầy, nền kinh tế của các cường quốc kinh tế như Mỹ, Nhật Bản đều không mấy khả quan, các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil,.. không còn giữ được phong độ tăng trưởng lạc quan như khoảng 3 – 5 năm trước.

Kinh tế Việt Nam năm 2012 cũng chịu sự ảnh hưởng chung kinh tế thế giới. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2012 chỉ đạt 5,03% (thấp hơn nhiều so với mục tiêu Quốc hội đề ra 6 – 6,5%) và thấp nhất trong 10 năm trở lại đây, thấp hơn cả năm 2009: 5,32%, chỉ cao hơn so với năm 1999: 4,77%. Kinh tế tăng trưởng chậm, thất nghiệp tăng, thu nhập giảm, sức mua sụt giảm,.. ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của Doanh nghiệp (hơn 55.000 doanh nghiệp giải thể trong năm 2012). Bên cạnh đó, với chính sách thắt chặt tiền tệ của Việt Nam làm có các Doanh nghiệp càng khó khăn hơn trong việc tiếp cận nguồn vốn vay, lãi suất vay tuy có chiều hướng giảm nhưng vẫn còn ở mức khá cao, hàng loạt chi phí đầu vào tăng: chi phí điện, nước, giá xăng dầu, nguyên nhiên vật liệu, ... làm cho giá thành sản phẩm tăng vọt. Được phẩm tuy nằm trong nhóm hàng hóa thiết yếu, nhưng với chính sách kiểm chế lạm phát, bình ổn giá trị trường nên giá bán được Cơ quan chức năng kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ nên bản thân Doanh nghiệp không quyết định được việc tăng giá bán ra tương ứng với chi phí đầu vào tăng nên ảnh hưởng rất lớn đến tỷ suất lợi nhuận của Doanh nghiệp.

Những áp lực đó ảnh hưởng đáng kể đến việc điều hành công ty để đạt đến mục tiêu của Đại hội cổ đông đề ra. Mặc dù vậy, SPM đã có những nỗ lực và cải tiến không ngừng để đạt kết quả tốt nhất khi có thể trong điều kiện khó khăn nhiều mặt. Hội đồng Quản trị đã có những chiến lược và kế hoạch linh hoạt, thích nghi với điều kiện thực tại để khắc phục khó khăn. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc làm việc với nhau nhiều hơn để phối hợp từ chiến lược của hội đồng quản trị đến kế hoạch, thực hiện và kiểm soát của Ban Tổng giám đốc. Các chỉ số về doanh thu và lợi nhuận đạt được trong năm 2012: doanh thu đạt 430 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch 113.16%; lợi nhuận sau thuế đạt 64.8 tỷ đồng, đạt 86.4% kế hoạch. Lợi nhuận năm 2012 không đạt được như mong muốn là do có sự thay đổi bất thường về thị trường bất động sản mà công ty